

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009; Luật Giáo dục đại học năm 2012;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;
Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính Phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
Căn cứ Quyết định số 126/2011/QĐ-UBND ngày 12/10/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;
Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Kết luận Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, số 148-KL/TU ngày 06/10/2017 của Tỉnh ủy Bắc Ninh;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Kèm theo Quyết định này bản quy hoạch chi tiết), với những nội dung chủ yếu sau:

I. Điều chỉnh quan điểm và mục tiêu phát triển

1. Điều chỉnh quan điểm

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một

khâu đột phá chiến lược để Bắc Ninh phát triển bền vững kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa; trở thành Thành phố thông minh và đô thị loại I vào năm 2020, hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022;

- Phát triển nhân lực toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và tăng sức cạnh tranh về nhân lực của tỉnh trong quá trình hội nhập quốc tế. Phát triển nhân lực có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng phát triển nhân tài, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

- Phát triển nhân lực trên cơ sở nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, nhất là nhu cầu lao động của các khu công nghiệp, các ngành kinh tế có thế mạnh trong tỉnh; sử dụng lao động hiệu quả, đúng với trình độ đào tạo và năng lực của người lao động;

- Phát triển nhân lực dựa trên cơ sở nâng cao hiệu quả từ đào tạo tới sử dụng nhân lực; ưu tiên xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đào tạo đội ngũ chuyên gia, các nhóm nhân lực trình độ cao cho các ngành có thế mạnh của tỉnh;

- Phát triển nhân lực phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Kết hợp khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nguồn lực trong nước và nước ngoài. Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước và xã hội trong phát triển nhân lực của tỉnh;

- Phát triển nhân lực là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn xã hội.

2. Điều chỉnh mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và có cơ cấu hợp lý, cơ cấu ngành nghề phù hợp, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất, nhân cách, năng lực nghề nghiệp, thành thạo về kỹ năng, tác phong chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, đưa nhân lực trở thành lợi thế quan trọng nhất trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh công nghiệp và thành phố trực thuộc Trung ương trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Giai đoạn đến năm 2020:

- Đến năm 2020, dự báo tổng lao động trong nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh khoảng 906 nghìn người, trong đó lao động địa phương là 674 nghìn người. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 80-83%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp là 60%.

- Cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp. Trong đó, cơ cấu lao động ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 57,2%; khu vực dịch vụ chiếm 25,7%; và ngành nông lâm thủy sản chiếm

khoảng 17,1%.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chiếm khoảng 20-30% lao động được đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Giai đoạn 2021-2030

Tổng lao động trong nền kinh tế khoảng 1.065 nghìn người, trong đó lao động địa phương là 706 nghìn người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 90-95%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp là 65%-70%. Cơ cấu lao động ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 53,6%; khu vực dịch vụ chiếm 34,0%; và ngành nông lâm thủy sản chiếm khoảng 12,4%.

3. Bổ sung các trọng tâm, đột phá trong phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh theo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng thích ứng nhanh với môi trường lao động và với tiến bộ khoa học công nghệ mới, có năng lực chuyên môn và trình độ thành thạo nghiệp vụ cao phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh. Chủ động tiếp cận nền công nghiệp 4.0.

- Tận dụng các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp trong vùng KTTĐ Bắc Bộ để tạo nguồn cung lao động chất lượng cao cho Bắc Ninh. Đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo trong tỉnh; gắn đào tạo với sử dụng và đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Tăng cường mối quan hệ giữa cung lao động (các cơ sở đào tạo, người lao động) với cầu lao động (người sử dụng lao động) để đáp ứng nhu cầu việc làm cho người lao động trong tỉnh.

- Có chính sách và biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà ở, nhà trọ cho công nhân lao động; xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng cao.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, nhất là các thị trường có thu nhập cao, an toàn cho người lao động.

II. Phương hướng phát triển

1. Định hướng phát triển nguồn nhân lực toàn tỉnh theo các ngành và lĩnh vực chủ yếu

- Đối với các ngành kinh tế: Cơ cấu lao động ngành nông lâm thủy sản đến năm 2020 là 17,1%; năm 2030 giảm xuống còn 12,4%; nhóm ngành công nghiệp - xây dựng năm 2020 là 57,2%, năm 2030 là 53,6%; khu vực dịch vụ tương ứng là 25,7 và 34,0%.

- Định hướng phát triển nhân lực tại các KCN trên địa bàn tỉnh: Đến năm 2020, nhu cầu sử dụng lao động tại các KCN khoảng 330.000 người, đào tạo mới là 114.500 người (trong đó đào tạo lại khoảng 54.000 người), đến năm 2030, nhu cầu sử dụng lao động trong các khu công nghiệp lên đến trên 400.000 nghìn người.

- Định hướng phát triển nhân lực ngành giáo dục, đào tạo: Không ngừng

cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là nâng cao nhân trí, mở rộng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp của người lao động, đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022. Rà soát, đánh giá phân loại năng lực của đội ngũ nhà giáo. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học, các khu vực, các loại hình trường. Xây dựng chính sách thu hút nhân tài đối với đối tượng là thạc sỹ, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi trở lên. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục và chủ trương đa dạng hoá các loại hình học tập.

- Định hướng phát triển nhân lực ngành y tế: Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực y tế, ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên khoa có trình độ cao. Phân đầu đến năm 2020 các chỉ tiêu về nhân lực y tế của tỉnh cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước, số bác sỹ trên vạn dân đạt 10-11 người và đạt khoảng 15-20 người vào năm 2030.

- Định hướng phát triển nhân lực ngành công nghệ thông tin: Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho các cán bộ, công chức trong toàn tỉnh. Định hướng đào tạo lại, bồi dưỡng, cử tham gia các lớp đào tạo tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm bổ sung, nâng cao năng lực chuyên môn. Xây dựng và triển khai thực hiện dự án đào tạo tập huấn hội nghị hàng năm cho các cán bộ lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin thuộc các đơn vị, sở, ban, ngành,...

2. Định hướng phát triển nhân lực theo trình độ đào tạo

- Về trình độ học vấn: Năm 2020, lực lượng lao động chưa tốt nghiệp tiểu học chiếm 7,6%; tốt nghiệp tiểu học chiếm 22,8%; tốt nghiệp THCS chiếm 47,8%, tốt nghiệp THPT chiếm trên 40%. Đến năm 2030, tỷ lệ tương ứng là 7%; 23%; 48%; 45% (phụ thuộc vào cơ cấu nhóm tuổi của dân số).

- Về trình độ chuyên môn - kỹ thuật: Năm 2020 giảm tỉ lệ lao động qua đào tạo ngắn hạn xuống còn 30% (năm 2015 là 31.26% và đang có chiều hướng tăng), trình độ trung cấp lên 7,5% (năm 2015 là 6,9%), trình độ cao đẳng lên 6,4% (năm 2015 là 5,69%); đại học trở lên chiếm 9,34%. Đến năm 2030 tỷ lệ tương ứng là 16%, 9%, 7% và 14% (theo Luật giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề gọi chung là trung cấp và cao đẳng).

3. Định hướng phát triển nhân lực theo địa bàn

Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao chất lượng nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp và chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông nghiệp. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp xã, đồng thời quan tâm phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ kế cận. Phân đầu đến năm 2020 tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt 74%, đến năm 2030 đạt khoảng 88%.

4. Định hướng phát triển nhân lực theo thành phần kinh tế

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: Quan tâm công tác đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và các phẩm chất khác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến năm 2020, tổng số cán bộ, công chức, viên chức khoảng 27

nghìn người, trong đó trình độ trên đại học chiếm 17%, trình độ cao đẳng, đại học chiếm 80%; đến năm 2030 tỷ lệ tương ứng là trên 30% và 60%.

- Khu vực tư nhân: Dự kiến đến năm 2020, tổng số lao động là 463,5 nghìn người, trong đó, lao động có trình độ cao đẳng và đại học chiếm 38,9% tổng lao động; lao động có trình độ trên đại học chiếm 2,9%. Đến năm 2030, tương ứng là 46,1% và 3,5%.

- Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Dự kiến khoảng 167 nghìn người vào năm 2020 và xấp xỉ 200 nghìn người năm 2030.

5. Định hướng về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nhân lực tỉnh Bắc Ninh

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp để đạt và cao hơn chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, phù hợp với cơ cấu ngành nghề đào tạo, trong đó có 40% số nhà giáo dạy ở trình độ cao đẳng và trung cấp có trình độ sau đại học. Phần đầu tỷ lệ lao động qua giáo dục nghề nghiệp có việc làm đến năm 2020 đạt trên 80% và đến năm 2030 đạt từ 85% trở lên. Giai đoạn từ nay đến năm 2030, xây dựng một trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc tế, các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người lao động trong việc tìm kiếm việc làm; đẩy nhanh tiến độ xây nhà ở cho công nhân và người thu nhập thấp; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động phần đầu đạt các chỉ tiêu về giải quyết việc làm cho lao động tại các địa phương trong tỉnh.

III. Những giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động nguồn lực

Dự báo tổng nguồn vốn cần thiết để huy động cho phát triển nhân lực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ nay đến năm 2030 khoảng 23.000-23.500 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 2017-2020 là 3.300-3.400 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 8.500-9.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 khoảng 11.000-11.500 tỷ đồng. Dự kiến sẽ huy động vốn từ ngân sách Trung ương và Địa phương khoảng 20%; Vốn từ các chương trình dự án hỗ trợ, hợp tác quốc tế khoảng 10%; Vốn xã hội hóa từ doanh nghiệp trong nước, tư nhân khoảng 25%; Vốn từ các doanh nghiệp FDI khoảng 45%.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực

- Phát triển mạng lưới các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu đào tạo và phát triển nhân lực

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo nhân lực theo hướng chuẩn hóa. Có chính sách thu hút đội ngũ giáo viên giỏi về công tác tại tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo; đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội; xây dựng các mô hình, hình thức gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chú trọng việc đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

- Nâng cao thể lực, kỹ năng và chất lượng cuộc sống của người lao động.
- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông kỹ thuật và xây dựng nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp.
- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- **Chính sách đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:** Tăng cường thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là giáo dục, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

- **Chính sách phát triển thị trường lao động** và hệ thống công cụ thông tin thị trường lao động. Phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động, dịch vụ đào tạo và giới thiệu việc làm. Đa dạng hóa các kênh giao dịch việc làm nhằm tạo điều kiện phát triển giao dịch trực tiếp giữa người lao động và đơn vị tuyển dụng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, phát triển nhân lực. Gắn hệ thống thông tin thị trường lao động với hệ thống thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

- **Chính sách việc làm, bảo hiểm, bảo trợ xã hội:** Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ vay vốn học nghề, tạo việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn, lao động là người khuyết tật, dân tộc thiểu số, hộ nghèo, lao động đi làm việc ở nước ngoài; chính sách bảo hiểm thất nghiệp,... Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật trong các quan hệ lao động.

- **Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài:** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành; nghiên cứu sửa đổi các chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với thực tiễn của địa phương; chú trọng việc bố trí, sắp xếp, sử dụng nhân lực để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực được đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách thu hút nhân tài, khuyến khích phát triển nhân lực như: thu hút nhân lực trình độ cao về làm việc tại các KCN của tỉnh.

4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

- Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo, tạo sự thống nhất giữa cung và cầu lao động; thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà nước, cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động từ khâu xây dựng kế hoạch đến đào tạo lại và sử dụng lao động, hạn chế đến mức thấp nhất sự lãng phí trong phát triển nhân lực của cá nhân, tổ chức xã hội.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác với các cơ quan, tổ chức Trung ương và các địa phương trong cả nước, liên kết hợp tác với các viện nghiên cứu quốc gia và khu vực để tranh thủ các điều kiện về nguồn lực, đào tạo, tuyển dụng, thu hút nhân lực có trình độ cao,... để phát triển nhân lực.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, triển khai thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong phát triển làng đại học, nhất là các nhà đầu tư đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các khu công nghiệp và tập đoàn đa quốc gia.

5. Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng ứng dụng nền công nghiệp 4.0 để tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng cho mục tiêu Bắc Ninh trở thành Thành phố thông minh trong tương lai.

- Phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức các lớp đào tạo cho lao động của doanh nghiệp trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

- Xây dựng đồng bộ chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học và công nghệ như giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho cán bộ khoa học trẻ,...

- Phân bổ ngân sách hợp lý, theo đó, có sự đầu tư thỏa đáng dành cho khoa học và công nghệ. Từ đó, kích thích được người lao động, nhà khoa học tìm tòi, sáng tạo ra các phát minh, sáng chế mới, phục vụ cho sản xuất và đời sống.

6. Giải pháp về cải cách hành chính

- Triển khai đồng bộ 6 nội dung chương trình cải cách hành chính công.

- Chuẩn hoá các quy trình hành chính, cải tiến quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, phân định rõ trách nhiệm của cán bộ chuyên môn xử lý hồ sơ và trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan đơn vị.

- Chú trọng việc thực hiện công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh, nhất là các chính sách thu hút đầu tư, các thủ tục hành chính, các chính sách mới ban hành; thông tin về quy hoạch, kế hoạch, dự án nhằm giúp doanh nghiệp, người dân tiếp cận, nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan,...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm để thực hiện Quy hoạch này; chủ trì, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực phù hợp với Quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh và đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm của mình.

Hàng năm phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách của địa phương, ngân sách trung ương và các chương trình mục tiêu cho các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, địa phương tổ chức triển khai theo Quy hoạch.

Định kỳ đánh giá và tổ chức sơ, tổng kết theo quy định, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nhân lực các cấp trình độ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiến hành lập Quy hoạch mạng lưới giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo quyết định phê duyệt đề cương của UBND tỉnh và tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tăng cường tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục thực hiện đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đảm bảo chất lượng, không chạy theo số lượng.

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động theo hướng nâng cao tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật.

Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ thông tin của người lao động bị thu hồi đất, thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm của trung ương và của địa phương đối với lao động khi bị thu hồi đất.

Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động; về hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức tốt hoạt động sàn giao dịch việc làm của tỉnh để kết nối cung - cầu lao động.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt “Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025 và định hướng đến năm 2030” và Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn trường THPT chuyên và 8 trường THCS trọng điểm thuộc tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề và việc thực hiện các dự án đầu tư đã phê duyệt trên địa bàn. Định kỳ đánh giá và tổ chức sơ, tổng kết theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt “Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn trường THPT chuyên và 8 trường THCS trọng điểm thuộc tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025”; Chương trình “Sửa học đường” trong các cơ sở giáo dục mầm non và các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020.

Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm, giải pháp cụ thể cho từng năm để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Quy hoạch.

Rà soát lại năng lực đào tạo của ngành, đồng thời đánh giá mức độ đáp ứng và số lượng thiếu hụt cần bổ sung, đào tạo từ bên ngoài. Căn cứ từ nguồn nhân lực của tỉnh, chủ động mở rộng các hình thức liên kết đào tạo với các trung tâm đào tạo lớn ở ngoài tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; nghiên

cứu, xây dựng chương trình đào tạo 5 năm và hàng năm để nâng cao chất lượng cán bộ công chức, viên chức của tỉnh. Xây dựng chính sách thu hút nhân tài, nhân lực trình độ cao về làm việc tại tỉnh; Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng và thực hiện đề án nâng cao chất lượng quản trị địa phương cho đội ngũ cán bộ chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tiếp tục thực hiện các đề án đã phê duyệt; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và công nghệ cao.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp và thương mại.

Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường. Tiếp tục thực hiện đề án “Nhân cây nghề mới”; đề án “Khôi phục và phát triển các làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp”.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ; phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm thương mại và siêu thị kinh doanh bán lẻ, các ngành hàng hoặc chuyên doanh. Khuyến khích phát triển HTX thương mại - dịch vụ ở các huyện để cung cấp dịch vụ, vật tư kỹ thuật; hàng công nghiệp, tiêu dùng và tiêu thụ nông sản.

7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành, chăm sóc sức khỏe người dân; Triển khai hiệu quả Đề án Bắc Ninh phấn đấu không còn thực phẩm bẩn.

8. Sở Thông tin và truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh; thực hiện Quy hoạch điều chỉnh tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Đề án xây dựng Thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan đề xuất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm, đảm bảo cấp đủ kinh phí thực hiện Quy hoạch; Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Quy hoạch; phối hợp với các ngành kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả; Thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên

quan đến xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính cho mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các địa phương, đảm bảo quỹ đất phát triển các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

11. Sở Xây dựng

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng; triển khai, rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển vùng,... phù hợp với mục tiêu phát triển nhân lực trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch này; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến nhân lực ngành trong lĩnh vực xây dựng.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các dự án thành phần và nội dung giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành trong Quy hoạch.

12. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp, dịch vụ,... trong các KCN; Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các KCN.

13. Liên đoàn lao động tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về tuyên truyền phổ biến pháp luật và các chế độ, chính sách của nhà nước cho người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

14. Các Sở, ban, ngành khác

Chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch, xây dựng các chính sách, giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện Quy hoạch theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của ngành mình.

15. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Rà soát Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của mình, bổ sung cho phù hợp với thực tế; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch điều chỉnh phát triển nhân lực với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; khẩn trương xây dựng hoàn thiện hạ tầng cơ sở các cụm công nghiệp đã được phê duyệt để thu hút các nhà đầu tư.

Chủ động xây dựng các cơ chế, chính sách trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại địa phương.

Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quy hoạch và dành quỹ đất “sạch” cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai xây dựng mới, xây dựng mở rộng

cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung.

16. Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch tổng thể để xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, chủ động triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng nhân dân nâng cao nhận thức về việc làm - dạy nghề và ý thức học tập, nâng cao tính tự giác trong việc học nghề.

18. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm các Sở, ban, ngành, địa phương đánh giá và tổ chức sơ, tổng kết theo quy định báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (Gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp). Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị cần thường xuyên tiến hành xem xét, đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có) cũng như đề ra giải pháp, chính sách đồng bộ, đảm bảo thực hiện tốt Quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. / *Thy*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo BN, Đài PTTH tỉnh, TT Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, XDCB, KGVX, NC, NNTN,KTTH.



Nguyễn Hữu Thành